

HỢP ĐỒNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ SÀN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Số: -BM/HDDV/TMDT/102025

Hôm nay, ngày tháng năm (“Ngày Hiệu Lực”), Hợp đồng cung ứng dịch vụ sàn thương mại điện tử (“Hợp Đồng”) được ký lập bởi và giữa hai bên gồm:

Bên Sử Dụng Dịch Vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Mã số thuế:

Tài khoản ngân hàng:

Tên chủ tài khoản:

Ngân hàng:

Đại diện bởi:

Chức vụ:

Theo ủy quyền số (nếu là người đại diện theo ủy quyền): ngày:

(Sau đây gọi là “**Bên A**”)

Và

Bên Cung Ứng Dịch Vụ: CÔNG TY TNHH BUYMED

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa Nhà Vincom Center Đồng Khởi, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 02873037188

Mã số thuế: 0314758651

Tài khoản ngân hàng: 04001012264060 Tên chủ tài khoản: Công Ty TNHH Buymed

Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB)

Đại diện bởi: Ông NGUYỄN HỮU MINH HOÀNG Chức vụ: Giám Đốc

(Sau đây gọi là “**Bên B**”)

Bên A và Bên B sau đây được gọi riêng là “**Bên**” và được gọi chung là “**Các Bên**”.

Các Bên cùng thỏa thuận và đồng ý ký kết Hợp Đồng với các điều khoản và điều kiện như sau:

ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA

Trong Hợp Đồng này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Định nghĩa	Diễn giải
Sàn Thương Mại Điện Tử	Bao gồm website thương mại điện tử Thuocsi.vn và ứng dụng thương mại điện tử Buymed Vietnam, cho phép người tham gia được khởi tạo gian hàng để kinh doanh và quảng bá hàng hoá trực tuyến (sau đây gọi tắt là “ Sàn TMDT ” hoặc “ Buymed ”).

Khách Hàng	Bên mua sản phẩm hoặc sử dụng dịch vụ được bán hoặc cung ứng trên Sàn TMĐT.
Trung Tâm Nhà Bán Hàng	Hệ thống mà Bên B xây dựng và cấp quyền sử dụng cho Bên A, để phục vụ việc kinh doanh trên Sàn TMĐT của Bên B.
Đơn Vị Cung Cấp Dịch Vụ	Là (các) đơn vị cung cấp dịch vụ chuyên biệt, và/hoặc dịch vụ khác theo quy định tại Điểm 2.2.2 và 2.2.3, Điều 2 của Hợp Đồng này.

ĐIỀU 2. DỊCH VỤ

- 2.1.** Trên cơ sở thông tin đăng ký của Bên A, Bên B đồng ý cho Bên A được mở và vận hành gian hàng trên Sàn TMĐT để thực hiện các hoạt động mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, như thuốc (thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh v.v.), các sản phẩm không phải là thuốc bao gồm thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, trang thiết bị y tế và các sản phẩm, dịch vụ khác theo quy định tại Hợp Đồng này, và quy chế Sàn TMĐT của Bên B tùy từng thời điểm.
- 2.2.** Các dịch vụ kinh doanh gian hàng
- 2.2.1.** Các công tác, dịch vụ chung bao gồm:
- (a) Khởi tạo gian hàng trên Sàn TMĐT.
 - (b) Duy trì gian hàng trên Sàn TMĐT: bao gồm các hoạt động dưới đây mà Bên B hỗ trợ thực hiện:
 - i. Chăm sóc Khách Hàng;
 - ii. Hỗ trợ xử lý hàng đổi/trả; và
 - iii. Nhận chuyển khoản, thanh toán từ Khách Hàng thay mặt cho Bên A.
 - (c) Các dịch vụ liên quan đến gian hàng chính hãng ("**Gian Hàng Chính Hãng/Flagship Store**").
 - (d) Các dịch vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật, quy chế Sàn TMĐT, được Bên B thông báo công khai trên Sàn TMĐT, tùy từng thời điểm.
- 2.2.2.** Các dịch vụ chuyên biệt mà đối tác của Bên B là Công ty TNHH Buymed Logistics (Mã số thuế 0316619572) (sau đây gọi tắt là "**BML**") cung cấp cho Bên A trên cơ sở kết nối thông qua Sàn TMĐT, bao gồm:
- (a) Dịch vụ lưu trữ và bảo quản hàng hoá bao gồm cả hàng tồn kho;
 - (b) Dịch vụ xử lý đơn hàng và đóng gói;
 - (c) Dịch vụ vận chuyển và giao hàng toàn quốc;
 - (d) Hỗ trợ vận chuyển hàng hoá cho Bên A trong trường hợp Bên A muốn thu hồi hàng hoá;
 - (e) Dịch vụ tiêu hủy hàng hoá trong trường hợp Bên A không muốn thu hồi hàng hoá;
 - (f) Dịch vụ giao hàng và thanh toán khi nhận hàng ("**Dịch vụ COD**"); và
 - (g) Các dịch vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật, quy chế Sàn TMĐT, được Bên B thông báo công khai trên Sàn TMĐT, tùy từng thời điểm.

Bằng việc ký lập Hợp Đồng này, Bên A xác nhận đồng ý sử dụng các dịch vụ nêu trên từ BML, theo đúng các điều kiện, điều khoản, giá, phương thức thanh toán được công bố công khai trên Sàn TMĐT, và/hoặc được thông báo bởi Bên B tùy từng thời điểm, mà không cần phải ký lập bất cứ thoả thuận riêng rẽ nào với BML. Đồng thời, Bên A đồng ý ủy quyền cho BML thực hiện Dịch vụ COD với Khách hàng đối với các đơn hàng mà Khách hàng lựa chọn phương thức thanh toán khi nhận hàng.

Trong trường hợp có thay đổi, bổ sung đơn vị cung cấp dịch vụ chuyên biệt nêu trên mà không phải là BML, Bên B phải thông báo bằng văn bản đến Bên A hoặc công bố công khai trên Sàn TMĐT tối thiểu 07 (bảy) ngày trước thời điểm chính thức áp dụng.

2.2.3. Các dịch vụ liên quan đến tư vấn mà đối tác của Bên B là Công ty CP Dược phẩm MedX (sau đây gọi tắt là “**MEDX**”), hoặc đơn vị cung cấp dịch vụ khác được Bên B công bố công khai trên Sàn TMĐT tùy từng thời điểm, cung cấp cho Bên A, bao gồm:

- (a) Dịch vụ tư vấn quảng cáo;
- (b) Dịch vụ tư vấn thiết kế;
- (c) Dịch vụ quản lý truyền thông khác; và
- (d) Các dịch vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật, quy chế Sàn TMĐT, được Bên B thông báo công khai trên Sàn TMĐT, tùy từng thời điểm.

Đối với các dịch vụ nêu trên, trong trường hợp Bên A có nhu cầu sử dụng dịch vụ, Bên A và MedX (hoặc đơn vị cung cấp dịch vụ khác được Bên B công bố công khai trên Sàn TMĐT tùy từng thời điểm) sẽ ký lập thỏa thuận riêng cho việc cung cấp và sử dụng dịch vụ này.

2.3. **Phí Dịch Vụ**

Bên A sẽ thanh toán cho Bên B các khoản phí dịch vụ như được quy định cụ thể tại Phụ Lục 01 và Hợp Đồng này (“**Phí Dịch Vụ**”).

2.3.1. **Dịch vụ chung**

Trong suốt thời hạn Hợp Đồng, Bên B sẽ cung cấp miễn phí cho Bên A các dịch vụ, công tác như quy định tại Điểm 2.2.1 của Hợp Đồng này, trừ trường hợp được quy định khác đi theo thông báo bằng văn bản từ Bên B đến Bên A.

2.3.2. **Dịch vụ chuyên biệt**

Các khoản Phí Dịch Vụ cho việc cung cấp các dịch vụ chuyên biệt, và các dịch vụ liên quan đến tư vấn như quy định tại Điểm 2.2.2, và 2.2.3 của Hợp Đồng này được áp dụng tương ứng như quy định tại **Phụ Lục 01 - Chính sách phí & Biểu phí** của Hợp Đồng này (sau đây gọi tắt là “**Phụ Lục 01**”).

2.3.3. **Thay đổi Phí Dịch Vụ**

Các Phí Dịch Vụ được đề cập trong Phụ Lục 01 sẽ được áp dụng theo chính sách, chương trình mà Bên B cập nhật và thông báo đến Bên A theo từng thời điểm.

Các trường hợp cần sự điều chỉnh hoặc thay đổi đối với Phí Dịch Vụ hoặc các điều khoản khác tại Phụ Lục 01, Bên B sẽ gửi thông báo bằng văn bản hoặc qua email cho Bên A tối thiểu bảy (7) ngày trước thời điểm có hiệu lực của việc thay đổi (“**Thông báo Thay đổi**”). Các nội dung của Thông báo Thay đổi sẽ tự động có hiệu lực và là phần không tách rời của Hợp Đồng này tại thời điểm có hiệu lực được ghi tại Thông báo Thay đổi mà không cần Các Bên phải ký lập thêm bất cứ văn bản nào, hoặc thực hiện thêm bất cứ thủ tục nào khác. Trường hợp thời điểm hiệu lực không được ghi nhận một cách cụ thể tại Thông báo Thay đổi thì các nội dung tương ứng của Thông báo Thay đổi sẽ có hiệu lực áp dụng và là phần không tách rời của Hợp Đồng trong vòng bảy (7) ngày kể từ thời điểm Bên B gửi thông báo.

ĐIỀU 3. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

3.1. **Quyền của Bên B**

- 3.1.1. Thu Phí Dịch Vụ Sàn TMĐT quy định tại Điều 2 của Hợp Đồng và Phụ Lục 01 đính kèm Hợp Đồng này;
- 3.1.2. Cản trở vào khoản thanh toán mà Bên B phải thanh toán cho Bên A;
- 3.1.3. Yêu cầu Bên A cung cấp đầy đủ chứng nhận, chứng từ, hoá đơn, các thông tin và tài liệu cần thiết khác liên quan đến hàng hóa và được phép sử dụng các thông tin và tài liệu này phục vụ cho việc giới thiệu, bán hàng hóa trên Sàn TMĐT, nghiên cứu/bổ sung các tiện ích, dịch vụ giá trị gia tăng khác và/hoặc phục vụ các công việc khác của Sàn TMĐT nhằm tăng cường chất lượng dịch vụ của Sàn TMĐT;
- 3.1.4. Yêu cầu Bên A cung cấp đầy đủ các chứng nhận, hoá đơn, chứng từ, hình ảnh và thông tin mô tả hàng hóa, phù hợp với các chính sách, hướng dẫn, yêu cầu hoặc tiêu chuẩn theo thông báo của Bên B tùy từng thời điểm và phù hợp với quy định pháp luật đề đăng tải trên, kinh doanh thông qua Sàn TMĐT;

- 3.1.5. Thực hiện, hoặc phối hợp với đơn vị cung cấp dịch vụ như BML và/hoặc các đơn vị khác để, kiểm duyệt, giao, nhận, niêm phong, thu hồi, tiêu huỷ hàng hoá tùy từng thời điểm theo đúng quy định;
- 3.1.6. Tạm ngừng, chấm dứt cung ứng dịch vụ cho Bên A trong trường hợp Bên A vi phạm nghĩa vụ tại Hợp Đồng mà không khắc phục trong một khoảng thời gian hợp lý theo yêu cầu từ Bên B;
- 3.1.7. Tiêu huỷ hàng hoá theo quy trình, quy định của Bên B, đơn vị cung cấp dịch vụ như BML, hoặc theo quy định của pháp luật, đối với các hàng hoá là hàng tồn kho, bị từ chối nhập kho hoặc hàng hoá được yêu cầu rút khỏi danh sách hàng hoá niêm yết bán trên Sàn TMĐT mà Bên A không nhận lại hàng theo thông báo, yêu cầu của Bên B qua email, văn bản, hoặc phương thức khác, theo thời gian quy định tại Điều 9 Hợp Đồng này;
- 3.1.8. Áp dụng các mức phạt, phí phạt hoặc phí lưu kho quá hạn đối với các trường hợp Bên A không lấy hàng trả về trong thời gian quy định tại Phụ Lục 01 đính kèm theo Hợp Đồng này;
- 3.1.9. Áp dụng chính sách bồi thường hàng hoá theo mức bồi thường cụ thể được quy định tại Hợp Đồng và Phụ Lục 01 đính kèm theo Hợp Đồng này; và
- 3.1.10. Các quyền khác theo quy định của pháp luật, quy chế hoạt động, các chính sách của Sàn TMĐT có hiệu lực tùy từng thời điểm, và theo quyết định của Bên B nhằm đảm bảo duy trì hoạt động của Sàn TMĐT và tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành.

3.2. Nghĩa vụ của Bên B

- 3.2.1. Đảm bảo cho Bên A được khởi tạo và tự vận hành gian hàng trên Sàn TMĐT và cung cấp cho Bên A một tài khoản duy nhất để đăng nhập vào Trung Tâm Nhà Bán Hàng;
- 3.2.2. Cam kết Sàn TMĐT của Bên B được hoạt động hợp pháp và có đầy đủ các giấy phép và chấp thuận theo quy định pháp luật;
- 3.2.3. Bằng chi phí của mình, xây dựng, vận hành, và quản lý Sàn TMĐT một cách ổn định để đảm bảo các giao dịch mua bán hàng hóa đối với gian hàng của Bên A;
- 3.2.4. Hướng dẫn và cung cấp cho Bên A các tài liệu có nội dung liên quan đến quy trình khởi tạo gian hàng và cách thức thực hiện việc mua bán hàng hóa trên Sàn TMĐT;
- 3.2.5. Thanh toán cho Bên A theo đúng thời hạn và đảm bảo các quy định của Hợp Đồng này;
- 3.2.6. Cung cấp thông tin về hàng hoá được niêm phong, tiêu huỷ, thu hồi (nếu có) đến Bên A;
- 3.2.7. Trong trường hợp xảy ra thất lạc, mất mát hoặc hư hỏng hàng hoá, làm việc với BML (hoặc đơn vị khác được Bên B công bố tùy từng thời điểm theo quy định tại Điểm 2.2.2 của Hợp Đồng này), để thực hiện công tác xác minh, bồi thường thiệt hại cho Bên A. Cơ sở để tính bồi thường thiệt hại sẽ là giá trị hàng hoá được niêm yết trên Sàn TMĐT và thiệt hại thực tế mà Bên A có thể chứng minh được bằng việc cung cấp đầy đủ hoá đơn, chứng từ theo yêu cầu của Bên B hoặc theo thỏa thuận khác (nếu có) giữa Bên A và đối tác của Bên B. Đối tác BML (hoặc đơn vị khác được Bên B công bố tùy từng thời điểm theo quy định tại Điểm 2.2.2 của Hợp Đồng này) sẽ trực tiếp bồi thường cho Bên A;
- 3.2.8. Xuất hoá đơn cho Bên A theo đúng các dịch vụ mà Bên B cung cấp quy định tại Điều 2 Hợp Đồng này. Đối với các dịch vụ chuyên biệt theo quy định tại Điểm 2.2.2 mà đối tác BML thực hiện, Bên B sẽ hỗ trợ và đốc thúc BML để đảm bảo xuất hoá đơn đầy đủ và đúng hạn cho Bên A theo các dịch vụ chuyên biệt này; và
- 3.2.9. Bên B chịu trách nhiệm đối với toàn bộ phần công việc liên quan đến vận chuyển hàng hóa và/hoặc các dịch vụ tư vấn, quản lý cho Bên A phù hợp với các điều kiện và điều khoản ký kết tại biên bản ghi nhớ (MoU) và các hợp đồng, thỏa thuận khác giữa Bên B và các đối tác của Bên B.

ĐIỀU 4. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

4.1. Quyền của Bên A

- 4.1.1. Có quyền nhận từ Bên B các khoản thanh toán đối với hàng hóa, dịch vụ theo phương thức được quy định tại Hợp Đồng này;

- 4.1.2. Có quyền sử dụng các tính năng, tiện ích gắn liền với tài khoản được cung cấp trên Trung Tâm Nhà Bán Hàng cũng như các dịch vụ do Bên B cung cấp trên Sàn TMĐT, bao gồm nhưng không giới hạn các dịch vụ được quy định tại Khoản 2.2 Hợp Đồng này;
- 4.1.3. Có quyền yêu cầu Bên B đảm bảo trách nhiệm đối với việc lưu trữ, bảo quản và vận chuyển hàng hoá được thực hiện thông qua đối tác của Bên B;
- 4.1.4. Có quyền yêu cầu Bên B bồi thường thiệt hại trong các trường hợp xảy ra mất mát, hư hỏng hoặc thất lạc hàng hoá xuất phát do lỗi của đối tác của Bên B tại Điều 2. Cơ sở để tính bồi thường thiệt hại sẽ dựa vào giá trị hàng hoá niêm yết trên Sàn TMĐT và thiệt hại thực tế mà Bên A có thể chứng minh được bằng việc cung cấp đầy đủ hoá đơn, chứng từ theo yêu cầu của Bên B hoặc theo thoả thuận khác (nếu có) của hai Bên; và
- 4.1.5. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Hợp Đồng này.

4.2. Nghĩa vụ của Bên A:

- 4.2.1. Tuân thủ các quy định tại Hợp Đồng, quy chế, chính sách, điều khoản và điều kiện của Sàn TMĐT được cung cấp tại thời điểm ký kết Hợp Đồng này và/hoặc được cập nhật, thông báo đến Bên A tùy từng thời điểm;
- 4.2.2. Đảm bảo hàng hóa khi đăng bán trên Sàn TMĐT phải thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:
 - (a) Hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, có chứng từ và hoá đơn hợp lệ;
 - (b) Hàng hóa được phân phối hợp pháp và đủ điều kiện kinh doanh (bao gồm nhưng không giới hạn, có giấy phép lưu thông và đáp ứng các quy chuẩn và tiêu chuẩn về chất lượng) theo quy định của pháp luật liên quan đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ cụ thể;
 - (c) Hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa bị cấm kinh doanh trên Sàn TMĐT và/hoặc bị cấm lưu thông, phân phối theo quy định pháp luật;
 - (d) Hàng hóa đảm bảo thời hạn sử dụng còn lại của hàng hoá tối thiểu luôn là 2/3 tổng thời hạn sử dụng tính từ thời điểm đơn vị cung cấp dịch vụ như nêu tại Điểm 2.2.2 của Hợp Đồng này nhận được hàng hoá;
 - (e) Hàng hóa không vi phạm về sở hữu trí tuệ và/hoặc bất kỳ quyền nào khác của bất kỳ bên thứ ba nào;
 - (f) Hàng hóa không phải là hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng, hàng bị hư hỏng hoặc hàng lỗi. Hàng hoá phải được bao bì, đóng gói theo đúng các tiêu chuẩn và mẫu mã của nhà sản xuất và theo yêu cầu của Bên B (nếu có);
 - (g) Hàng hoá thuộc đối tượng mà Bên A được phép kinh doanh theo các giấy phép đã được cấp, bao gồm cả kinh doanh trên Sàn TMĐT, theo quy định của pháp luật; và
 - (h) Hàng hoá phải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn khác đối với hàng hóa theo quy định của pháp luật.
- 4.2.3. Đảm bảo luôn chủ động cập nhật tình trạng của hàng hoá bán trên Sàn TMĐT. Bên A phải chịu toàn bộ trách nhiệm trong trường hợp các thông tin về tình trạng hàng hóa/dịch vụ của Bên A cung cấp không chính xác dẫn đến Khách Hàng đã đặt hàng nhưng Bên A không có hàng hóa/dịch vụ để cung cấp;
- 4.2.4. Giá bán được niêm yết trên Sàn TMĐT là giá bán cuối cùng cho Khách Hàng và Bên A cam kết rằng giá bán đã bao gồm nhưng không giới hạn, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng (VAT) và các loại thuế, phí khác theo quy định pháp luật. Mức thuế suất của mỗi loại thuế sẽ thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành;
- 4.2.5. Bên A được phép linh hoạt thay đổi các chính sách về giá bán theo từng khu vực miễn là Bên A tuân thủ chính sách về giá bán đã cam kết với hãng sản xuất và/hoặc tuân thủ các quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi đăng bán hàng hoá trên Sàn TMĐT. Trường hợp có bất kỳ khiếu nại, yêu cầu, tranh chấp và/hoặc khiếu kiện của hãng sản xuất, Khách Hàng và/hoặc bên thứ ba nào khác đối với Bên B liên quan đến giá bán hàng hoá của Bên A trên Sàn TMĐT, Bên A có nghĩa vụ xử lý và chịu trách nhiệm hoàn toàn đối với các khiếu nại, yêu cầu, tranh chấp và/hoặc khiếu kiện này mà không được liên đới đến Bên B. Trong

phạm vi pháp luật cho phép, Bên A cam kết miễn trừ cho Bên B toàn bộ trách nhiệm liên quan đến các khiếu nại, yêu cầu, tranh chấp và khiếu kiện của Khách Hàng và tất cả các bên thứ ba khác liên quan đến giá bán và chất lượng hàng hóa/dịch vụ do Bên A cung cấp trên Sàn TMĐT;

- 4.2.6. Nếu Bên A chọn sử dụng dịch vụ Gian Hàng Chính Hãng theo quy định tại Điểm 2.2.1.c của Hợp Đồng này thì Bên A có nghĩa vụ cam kết doanh thu tương ứng với phần dịch vụ này với Bên B. Mẫu cam kết doanh thu được đính kèm Hợp Đồng này là một phần không tách rời cho mục đích áp dụng dịch vụ theo quy định tại Điểm 2.2.1.c của Hợp Đồng này cho Gian Hàng Chính Hãng;
- 4.2.7. Xuất hoá đơn giá trị gia tăng (“**Hóa đơn VAT**”) /Hóa đơn bán hàng cho Khách Hàng trong vòng bảy (07) ngày kể từ thời điểm đơn hàng được xuất kho/giao thành công cho Khách Hàng;
- (a) Trường hợp Bên A chậm trễ xuất Hóa đơn VAT/Hóa đơn bán hàng hoặc xuất sai Hoá đơn VAT/Hóa đơn bán hàng cho Khách Hàng, Bên A sẽ bị phạt một khoản phí là 50.000 VND/hoá đơn (Bằng chữ: năm mươi nghìn đồng) cho Bên B; và
 - (b) Trường hợp Bên A không xuất được Hóa đơn VAT/Hóa đơn bán hàng hoặc xuất sai Hoá đơn VAT/Hóa đơn bán hàng cho Khách Hàng, Bên B có quyền tạm ngưng gian hàng kinh doanh của Bên A hoặc đóng vĩnh viễn gian hàng kinh doanh của Bên A trên Sàn TMĐT và đồng thời Bên A phải xuất bổ sung/điều chỉnh Hoá đơn VAT/Hóa đơn bán hàng đối với các Hoá đơn chưa xuất/xuất sai và nhận lại từ Khách Hàng các hàng hoá không xuất được Hóa đơn.
- 4.2.8. Bên A thanh toán các Phí Dịch Vụ cho Bên B theo phương thức, quy trình, và thời hạn thanh toán được quy định chi tiết tại Hợp Đồng này.
- 4.2.9. Phù hợp với các nguyên tắc đạo đức kinh doanh, Bên A không được lợi dụng việc kinh doanh trên Sàn TMĐT để thực hiện các hành vi sau:
- (a) Có hành vi lừa dối Khách Hàng bằng việc bán hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng; vi phạm quyền sở hữu trí tuệ hoặc các quyền khác của bên thứ ba;
 - (b) Kinh doanh các hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh theo quy định pháp luật;
 - (c) Thực hiện các hành vi quảng cáo không đúng sự thật hoặc trái với quy định pháp luật;
 - (d) Tiến hành các hoạt động khuyến mại mà không thông báo trước với Bên B, không đăng ký hoặc thông báo về hoạt động khuyến mại theo quy định của pháp luật;
 - (e) Có các hành vi gian lận về kê khai, nộp, quyết toán thuế theo quy định của pháp luật;
 - (f) Có các hành vi kinh doanh không đúng theo phạm vi, quy định, yêu cầu tại các giấy phép đã được cấp;
 - (g) Có các hành vi làm giả hồ sơ, chứng từ, cung cấp hồ sơ, thông tin sai lệch về Bên A; và
 - (h) Có các hành vi, giao dịch không minh bạch, gian lận khác bao gồm nhưng không giới hạn, tự ý sử dụng thông tin Khách Hàng để tiếp thị, quảng cáo và bán hàng nhưng không thông qua Sàn TMĐT và/hoặc sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác mà không có sự đồng ý trước của Khách Hàng và chưa có sự thoả thuận trước với Bên B.
- 4.2.10. Cung cấp cho Khách Hàng một cách đầy đủ và chính xác các thông tin về chính sách đổi trả, bảo hành hàng hoá của Bên A, đảm bảo quyền lợi của Khách Hàng và tuân thủ theo các chính sách đổi trả và bảo hành hàng hóa được Bên B ban hành tùy từng thời điểm.
- 4.2.11. Cung cấp cho Bên B các giấy tờ liên quan đến hàng hóa trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm nhận được yêu cầu hoặc thông báo bằng văn bản của Bên B.
- 4.2.12. Chịu hoàn toàn trách nhiệm, miễn trừ và giữ cho Bên B và các đối tác, đơn vị cung cấp dịch vụ trên sàn TMĐT, và các bên liên kết, công ty mẹ, cổ đông, cán bộ nhân viên của Bên B không bị phương hại bởi và về bất cứ thiệt hại, mất mát nào phát sinh có liên quan đến tính hợp pháp, hợp lệ, chất lượng, số lượng, và/hoặc bất cứ hệ quả bất lợi nào phát sinh từ hàng hoá và việc kinh doanh hàng hoá của Bên A thông qua Sàn TMĐT.

- 4.2.13. Bồi thường thiệt hại cho Bên B, Khách Hàng và/hoặc bất kì bên thứ ba nào bị ảnh hưởng do các vấn đề liên quan đến chất lượng hàng hoá của Bên A bao gồm nhưng không giới hạn theo quy định tại Hợp Đồng này, các quy chế, chính sách, điều khoản và điều kiện sử dụng Sàn TMĐT được thông báo và áp dụng trên Sàn TMĐT tùy từng thời điểm và/hoặc các quy định khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
- 4.2.14. Cung cấp một cách đầy đủ, chính xác, và trung thực tất cả các hồ sơ, chứng từ, giấy phép theo yêu cầu của Bên B, và/hoặc theo quy định của pháp luật, để đảm bảo việc kinh doanh hợp pháp hàng hoá thông qua Sàn TMĐT.
- 4.2.15. Có trách nhiệm nhận lại hàng hoá được hoàn trả về kho; hàng hoá tồn kho; hàng hoá không thể bán được; hàng hoá thuộc loại hàng hoá bị cấm kinh doanh hoặc hạn chế kinh doanh mà Bên A không thể cung cấp được giấy phép theo yêu cầu của Bên B và cơ quan chức năng; hàng hoá bị hư hỏng; hàng hoá lỗi hoặc hàng hoá có bao bì không còn nguyên vẹn hoặc bị biến dạng do lỗi của Bên A hoặc do đơn vị vận chuyển của Bên A gây ra theo thông báo bằng văn bản của Bên B, tùy từng thời điểm theo quy định tại Hợp Đồng này hoặc do hai Bên thỏa thuận.

ĐIỀU 5. BẢO MẬT THÔNG TIN

- 5.1. Sau khi nhận được tài khoản được cung cấp bởi Bên B, Bên A có nghĩa vụ phải bảo mật thông tin tài khoản, và không cho bất kỳ bên thứ ba nào khác sử dụng và/hoặc xâm nhập vào hệ thống của Bên B. Bên A phải bồi thường mọi thiệt hại, tổn thất xảy ra cho Bên B nếu vi phạm quy định này.
- 5.2. Bên A có trách nhiệm và cam kết sẽ không thu thập thông tin Khách Hàng và/hoặc tiết lộ thông tin Khách Hàng cho bất kỳ bên thứ ba nào khác nếu không có sự đồng ý của Bên B và của Khách Hàng bằng văn bản.
- 5.3. Tất cả mọi thông tin theo Hợp Đồng này, và những thông tin được cung cấp từ một Bên ("**Bên tiết lộ thông tin**") cho Bên còn lại ("**Bên nhận thông tin**"), bất kể được cung cấp theo hình thức hay phương thức nào đều được coi là thông tin mật (sau đây gọi chung là "**Thông Tin Mật**"). Những Thông Tin Mật này sẽ được bảo lưu và bảo vệ một cách cẩn mật nhất, và chỉ được sử dụng theo những mục đích hợp tác của Các Bên theo Hợp Đồng này. Mỗi Bên có trách nhiệm bảo vệ các Thông Tin Mật khỏi bất kỳ sự xâm phạm của một bên thứ ba nào, và sẽ không cung cấp cho bên thứ ba đó bất kỳ một Thông Tin Mật nào trong thời gian còn hiệu lực của Hợp Đồng và trong vòng hai (02) năm sau khi Hợp Đồng đã chấm dứt, hoặc ngay cả khi Các Bên thỏa thuận không còn duy trì quan hệ hợp tác, ngoại trừ việc cung cấp Thông Tin Mật là cần thiết theo quy định của pháp luật, tòa án, hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam có liên quan.
- 5.4. Các nghĩa vụ bảo mật này không được áp dụng đối với bất kỳ Thông Tin Mật nào mà: (i) là và trở thành thông tin thuộc về công chúng mà không do lỗi của Bên nhận thông tin; (ii) đã được Bên nhận thông tin biết đến trước khi Bên tiết lộ thông tin tiết lộ cho Bên nhận thông tin và Bên nhận thông tin có thể chứng minh cho Bên tiết lộ thông tin về điều đó và khi biết được thông tin đó Bên nhận thông tin không có nghĩa vụ bảo mật Thông Tin Mật đó; (iii) phải cung cấp theo yêu cầu của pháp luật hoặc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc theo lệnh của tòa án có thẩm quyền; hoặc (iv) được Bên nhận thông tin phát triển độc lập mà không vi phạm Hợp Đồng này và Bên nhận thông tin có thể chứng minh bằng văn bản về sự tự phát triển đó.

ĐIỀU 6. SỞ HỮU TRÍ TUỆ

- 6.1. Bên A cam kết tuân thủ và không được có bất kỳ hành vi nào xâm phạm đến tất cả các quyền sở hữu trí tuệ của Bên B, bao gồm nhưng không giới hạn các hành vi sau:
- 6.1.1. Thực hiện bất kỳ sửa đổi nào đối với nhãn hiệu và/hoặc tên thương mại của Bên B;
- 6.1.2. Sử dụng các nhãn hiệu, tên thương mại, hình ảnh dưới bất kỳ hình thức nào mà có thể phung phí đến uy tín, chất lượng hay thương hiệu Bên B nói chung và/hoặc các hàng hoá bán trên Sàn TMĐT nói riêng;
- 6.1.3. Sử dụng trong lãnh thổ bất kỳ các nhãn hiệu hay thương hiệu giống với nhãn hiệu hay thương hiệu của Bên B mà có thể gây ra nhầm lẫn hay dẫn đến các hành vi gian lận;
- 6.1.4. Sử dụng bất kỳ nhãn hiệu, tên thương mại, hình ảnh hoặc bất kỳ quyền sở hữu trí tuệ của bên thứ ba mà không được sự đồng ý và cho phép bằng văn bản của bên đó; và
- 6.1.5. Sao chép, nhân bản, lấy cắp công nghệ và bí mật kinh doanh của Bên B.

- 6.2. Bên A sẽ hỗ trợ Bên B thông báo bằng văn bản đầy đủ và kịp thời cho Bên B biết bất kỳ vi phạm thực tế nào bao gồm nhưng không giới hạn hành vi đe dọa hoặc nghi ngờ vi phạm trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu và/hoặc tên thương mại của Bên B mà Bên A biết được.
- 6.3. Bên A phải bảo đảm cho Bên B được miễn trừ trách nhiệm và liên đới trách nhiệm đối với các khiếu nại, yêu cầu đòi bồi thường đối với các chi phí liên quan đến vi phạm về bằng sáng chế, kiểu dáng kỹ thuật, nhãn hiệu hàng hóa, bản quyền hoặc quyền tương tự phát sinh liên quan đến các sản phẩm mà Bên A đang kinh doanh hoặc các thông tin, nội dung mà Bên A cung cấp trên Sàn TMĐT.

ĐIỀU 7. THANH TOÁN

- 7.1. Bên B sẽ thực hiện đối soát và thanh toán cho Bên A các Khoản Thanh Toán như sau:
- 7.1.1. Doanh thu hàng hóa: là doanh thu tính theo giá bán của hàng hóa của Bên A với tình trạng “Đã hoàn tất” trên Trung Tâm Nhà Bán Hàng;
- 7.1.2. Hoàn tiền: Các Bên hoàn trả lại các khoản Phí Dịch Vụ hoặc Khoản Thanh Toán đã thu hoặc đã nhận khi xảy ra trường hợp hàng hóa đã giao thành công và Bên B đã thanh toán cho Bên A trong kì thanh toán trước đó bị hoàn trả lại theo quy định của Hợp Đồng này và Phụ Lục 01 đính kèm theo Hợp Đồng; và
- 7.1.3. Phí khác: Các khoản phí khác đi kèm trong các trường hợp Khách Hàng từ chối nhận hàng được quy định tại Phụ Lục 01 đính kèm theo Hợp Đồng này.
- 7.2. Chu Kỳ Thanh Toán sẽ được thực hiện mỗi hai (02) lần một tháng cho các nhà bán hàng cấp 2 được quy định tại Hợp Đồng này với các chi tiết như sau:
- 7.2.1. Chu Kỳ Thanh Toán đầu tiên từ ngày một (01) đến ngày mười lăm (15) của tháng giao dịch dương lịch (“**Chu Kỳ Thanh Toán Lần Đầu**”);
- 7.2.2. Chu Kỳ Thanh Toán thứ hai từ ngày mười sáu (16) đến ngày cuối cùng của tháng dương lịch (“**Chu Kỳ Thanh Toán Lần Hai**”);
- 7.2.3. Bên B sẽ xác nhận số dư tài khoản thông qua việc gửi bảng đối soát vào ngày mười tám (18) đối với Chu Kỳ Thanh Toán Lần Đầu và ngày ba (03) của tháng dương lịch kế tiếp đối với Chu Kỳ Thanh Toán Lần Hai.
- 7.3. Chu Kỳ Thanh Toán sẽ được thực hiện mỗi bốn (04) lần một tháng cho các Nhà Bán Hàng Cấp 1 và Nhà Bán Hàng Flagship Store được quy định tại Hợp Đồng này với các chi tiết như sau:
- 7.3.1. Chu Kỳ Thanh Toán đầu tiên từ ngày một (01) đến ngày bảy (07) của tháng giao dịch dương lịch (“**Chu Kỳ Thanh Toán Lần Đầu**”);
- 7.3.2. Chu Kỳ Thanh Toán thứ hai từ ngày tám (08) đến ngày mười lăm (15) của tháng dương lịch (“**Chu Kỳ Thanh Toán Lần Hai**”);
- 7.3.3. Chu Kỳ Thanh Toán thứ ba từ ngày mười sáu (16) đến ngày hai mươi hai (22) của tháng dương lịch (“**Chu Kỳ Thanh Toán Lần Ba**”);
- 7.3.4. Chu Kỳ Thanh Toán thứ tư từ ngày hai mươi ba (23) đến ngày cuối cùng của tháng dương lịch (“**Chu Kỳ Thanh Toán Lần Tư**”);
- 7.3.5. Bên B sẽ xác nhận số dư tài khoản thông qua việc gửi bảng đối soát vào ngày mười (10) đối với Chu Kỳ Thanh Toán Lần Đầu, vào ngày mười tám (18) đối với Chu Kỳ Thanh Toán Lần Hai, vào ngày hai mươi lăm (25) đối với Chu Kỳ Thanh Toán Lần Ba và ngày ba (03) của tháng dương lịch kế tiếp đối với Chu Kỳ Thanh Toán Lần Tư.
- 7.4. Bên B sẽ xác nhận số dư tài khoản thông qua việc gửi bảng đối soát theo Chu Kỳ Thanh Toán quy định ở Khoản 7.2 hoặc 7.3 và tiến hành thanh toán cho Bên A khoản dư nợ cuối kì trong vòng mười ba (13) ngày kể từ ngày gửi bảng đối soát. Trong trường hợp Bên A cung cấp sai thông tin thanh toán được ghi nhận trên hệ thống Trung Tâm Nhà Bán Hàng, thời gian chuyển khoản lại sẽ được Bên B xác định và gửi thông báo sau cho Bên A.
- 7.5. Bên B sẽ gửi Hóa đơn VAT cho Bên A trong vòng tối đa 07 (bảy) ngày làm việc kể từ thời điểm Các Bên hoàn tất việc đối soát và thanh toán theo Khoản 7.1 của Hợp Đồng này.

- 7.6. Bên B sẽ không chịu trách nhiệm cho việc Bên A nhận thanh toán chậm trễ do bất kỳ yếu tố tác động bên ngoài hoặc do bất kỳ sự kiện Bất Khả Kháng nào, trừ khi đó là do lỗi của Bên B.
- 7.7. Trong phạm vi pháp luật cho phép, Bên A ủy quyền toàn bộ cho Bên B thay mặt Bên A nhận tiền chuyển khoản từ Khách Hàng, khi Khách Hàng chọn phương thức thanh toán thông qua hình thức chuyển khoản trên Sàn TMĐT và nhận tiền thu hộ từ Khách hàng khi Khách Hàng chọn phương thức thanh toán khi nhận hàng trên Sàn TMĐT. Bên B chịu trách nhiệm đối với các khoản thanh toán mà Bên B nhận từ Khách hàng kể cả trường hợp tiền thu hộ do BML thu trực tiếp từ Khách hàng
- 7.8. Bên A có quyền gửi khiếu nại đối với những giao dịch mà Bên A thấy có vấn đề trong quá trình kiểm tra bảng đối soát trên hệ thống Trung Tâm Nhà Bán Hàng. Thời hạn khiếu nại cho bảng đối soát là ba mươi (30) ngày kể từ ngày Bên B gửi bảng đối soát. Ngay khi nhận được khiếu nại của Bên A, Bên B sẽ tiến hành xác thực thông tin và xử lý khiếu nại của Bên A và Các Bên thống nhất phương án giải quyết cuối cùng cho những giao dịch bị khiếu nại.

ĐIỀU 8. BẤT KHẢ KHÁNG

- 8.1. Bất khả kháng là những trường hợp xảy ra nằm ngoài sự kiểm soát của Các Bên tại thời điểm giao kết Hợp Đồng này. Trường hợp bất khả kháng (sau đây gọi chung là “**Bất Khả Kháng**”) bao gồm nhưng không giới hạn các trường hợp mà khiến một trong Các Bên không thể thực hiện nghĩa vụ, chậm trễ thực hiện nghĩa vụ theo Hợp Đồng, hoặc không thể tiếp tục thực hiện Hợp Đồng. Bất Khả Kháng bao gồm nhưng không giới hạn các trường hợp sau:
- 8.1.1. Theo quyết định hoặc các quy định pháp luật mới của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- 8.1.2. Chiến tranh, dịch bệnh, bạo loạn, cháy nổ, đình công, biến cố chính trị; và
- 8.1.3. Các tai họa do thiên nhiên như: hạn hán, bão lụt, giông tố, động đất, sóng thần.
- 8.2. Bên bị ảnh hưởng bởi trường hợp Bất Khả Kháng thì phải thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại biết về bản chất và mức độ của Bất Khả Kháng đó. Không Bên nào bị xem là vi phạm Hợp Đồng này, vì lý do chậm trễ thực hiện, hay không thực hiện bất kỳ các nghĩa vụ nào theo Hợp Đồng này mà sự chậm trễ hoặc không thực hiện nghĩa vụ là do Bất Khả Kháng.
- 8.3. Nếu các ảnh hưởng của Bất Khả Kháng xảy ra liên tục vượt quá ba (03) tháng, thì Các Bên sẽ thiện chí thảo luận và/hoặc đồng ý với những thỏa thuận hợp lý bằng văn bản thay thế để giải quyết hệ quả của Bất Khả Kháng.

ĐIỀU 9. CHÍNH SÁCH XỬ LÝ HÀNG HOÀN - BẢO HÀNH

9.1. Nguyên tắc xử lý hàng hoá hoàn về và bảo hành:

- 9.1.1. Bên B được quyền giải quyết các vấn đề khiếu nại của Khách Hàng liên quan đến các yêu cầu đổi trả hàng hóa, bảo hành hàng hóa theo chính sách Bên B ban hành tùy từng thời điểm mà không cần sự đồng ý của Bên A;
- 9.1.2. Bên A đồng ý tuân thủ tất cả các chính sách và quy định về đổi trả hàng hóa và bảo hành hàng hóa do Bên B ban hành và áp dụng trên Sàn TMĐT tùy từng thời điểm. Theo đó, thời gian hoàn trả hàng hóa như sau:
- (a) Hàng hoá bị từ chối nhập kho (dư số lượng, hư hỏng, sai quy cách, gần hết hạn,...): năm (05) ngày kể từ khi Bên B ra thông báo thu hồi hàng cho Bên A;
- (b) Hàng hoá được yêu cầu rút khỏi danh sách hàng hoá niêm yết bán trên Sàn TMĐT bởi Bên A và/hoặc Bên B (hàng kém chất lượng, hàng lưu kho quá ba mươi (30) ngày không thể tiêu thụ được,...): bảy (07) ngày kể từ khi Bên B ra thông báo thu hồi hàng cho Bên A; và
- (c) Các trường hợp khác do hai Bên thỏa thuận.
- 9.1.3. Bên B có quyền quyết định ngưng bán tạm thời hoặc vĩnh viễn đối với bất kỳ hàng hóa nào niêm yết tại Sàn TMĐT có tỷ lệ đổi, trả vượt quá quy định của Bên B;
- 9.1.4. Trong các trường hợp Khách Hàng không hài lòng với chất lượng hàng hóa, Bên B sẽ giải quyết khiếu nại cho Khách Hàng và áp dụng phí xử lý theo Phụ Lục 01 đính kèm theo Hợp Đồng này.
- 9.2. Đối với các khiếu nại từ Khách Hàng: Bên B sẽ tiếp nhận và kiểm tra thông tin của Khách Hàng, hướng dẫn Khách Hàng gửi hàng về kho Bên B để kiểm tra và xử lý. Kho Bên B sẽ nhận hàng trả về, kiểm tra, xác

minh thông tin và xử lý khiếu nại cho Khách Hàng. Sau khi có kết quả xử lý, Bên B thông báo danh sách hàng lỗi cho Bên A qua email đã đăng ký trên hệ thống Trung Tâm Nhà Bán Hàng và Bên A có trách nhiệm nhận lại hàng hoá gửi trả về.

- 9.3.** Đối với các trường hợp phù hợp với chính sách bảo hành: Bên B sẽ thông báo thời gian bảo hành cho Khách Hàng dựa trên các cam kết của Bên A về bảo hành hàng hoá và gửi trả hàng hóa lại cho Bên A.
- 9.3.1. Các trường hợp hàng hóa lỗi thuộc về nhà sản xuất hoặc do lỗi vận hành từ Bên A không thể bảo hành, thì Bên A chịu trách nhiệm đổi trả cho Khách Hàng sản phẩm mới tương tự hoặc Bên B xử lý hoàn tiền cho Khách Hàng;
- 9.3.2. Các trường hợp hàng hóa lỗi không phải do sản xuất hoặc vận hành từ Bên A, mà muốn xác định được lỗi là do tác động từ phía Khách Hàng thì Bên A phải cung cấp cho Bên B toàn bộ bằng chứng để chứng minh cho việc loại loại trừ trách nhiệm cho Bên A trong trường hợp này: giấy thăm định của hãng hoặc cơ quan chức năng có thẩm quyền hoặc hình ảnh và video clip ghi nhận sự việc trên (nếu có); và
- 9.3.3. Nếu Bên A không đến nhận lại hàng hoá trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày Bên B gửi thông báo, Bên B sẽ áp dụng Phí lưu kho quá hạn theo Điểm 2.2.3 tại Phụ Lục 01 đính kèm theo Hợp Đồng này.

ĐIỀU 10. CHÍNH SÁCH XỬ LÝ BỒI THƯỜNG:

10.1. Nguyên tắc chung

- 10.1.1. Trường hợp hàng hóa được xác định có mức bồi thường sẽ được quy định cụ thể tại Phụ Lục 01 đính kèm Hợp Đồng này.
- 10.1.2. Trường hợp hàng hoá chỉ bị lỗi, hư hỏng một phần hay hoàn toàn một vài sản phẩm trong một bộ sản phẩm (combo) thì mức bồi thường được xác định trên từng sản phẩm trong bộ và giá trị của sản phẩm trong bộ sản phẩm nhưng không quá 50% giá trị của bộ sản phẩm.
- 10.1.3. Bên A có trách nhiệm xuất hóa đơn bán hàng cho Bên B và/hoặc BML khi có yêu cầu từ Bên B.

10.2. Giá trị hàng hóa bồi thường

Giá trị hàng hoá để làm căn cứ tính bồi thường sẽ được tính bằng giá niêm yết đăng bán hàng hóa trên Trung Tâm Nhà Bán Hàng trừ đi chi phí hoa hồng hoặc các khoản phí cố định (phí xử lý đơn hàng, phí bán hàng, ...) hoặc giá trị sản phẩm dựa theo chứng từ/ hóa đơn có giá trị pháp lý của Bên A. Trong trường hợp này, Bên A cần cung cấp hóa đơn chứng từ pháp lý hợp lệ theo yêu cầu của Bên B để chứng minh giá trị hàng hóa để làm căn cứ xác định giá trị bồi thường, hoặc theo thỏa thuận khác của hai Bên.

10.3. Các trường hợp miễn trừ trách nhiệm bồi thường:

- 10.3.1. Những trường hợp Bất Khả Kháng theo quy định tại Điều 8 của Hợp Đồng này;
- 10.3.2. Hàng hóa hết hạn sử dụng trong quá trình lưu kho;
- 10.3.3. Hàng hóa là hàng giả, hàng vi phạm quyền sở hữu trí tuệ hoặc được yêu cầu phải tiêu huỷ hoặc có lệnh tịch thu bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- 10.3.4. Hàng hóa không rõ nguồn gốc xuất xứ, có chế độ bảo hành sai cam kết với Khách Hàng;
- 10.3.5. Các trường hợp quá thời hạn khiếu nại hoặc quá hạn lưu kho;
- 10.3.6. Các trường hợp có nguyên nhân do lỗi phát sinh từ phía Bên A; và
- 10.3.7. Trường hợp Bên A không tiến hành đồng kiểm và không hợp tác xác định nguyên nhân cùng với Bên B.

ĐIỀU 11. THỜI HẠN VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- 11.1.** Hợp Đồng có hiệu lực từ ngày lập Hợp Đồng và có hiệu lực trong vòng sáu (06) tháng kể từ ngày lập. Sau thời điểm Hợp Đồng hết hạn, nếu Các Bên vẫn muốn tiếp tục thực hiện Hợp Đồng với các điều kiện và điều khoản không thay đổi, đồng thời Các Bên không có thỏa thuận nào khác về thời hạn Hợp Đồng, Hợp Đồng sẽ được tự động gia hạn và có hiệu lực đối với Các Bên cho mỗi sáu (06) tháng tiếp theo tính từ thời điểm Hợp Đồng hết hạn và không hạn chế số lần tự động gia hạn.
- 11.2.** Một trong hai Bên theo Hợp Đồng này có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng này ngay khi đưa ra thông báo bằng văn bản trước mười (10) ngày cho Bên còn lại, hoặc ngay khi một trong hai Bên tiến hành các thủ

tục giải thể, lâm vào tình trạng phá sản hoặc ngừng kinh doanh. Khi chấm dứt Hợp Đồng này, hai Bên phải hoàn tất toàn bộ các nghĩa vụ tài chính liên quan và giải quyết dứt điểm toàn bộ các vấn đề tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp Đồng.

11.3. Bên B có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng ngay lập tức khi phát hiện Bên A có bất kì hành vi vi phạm nào sau đây:

11.3.1. Vi phạm bất kỳ điều khoản nào được quy định tại Khoản 4.2 và Điều 5 của Hợp Đồng này;

11.3.2. Theo quyết định của Bên B rằng hành vi của Bên A đã gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bên khác và/hoặc ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh lành mạnh của Sàn TMĐT.

ĐIỀU 12. CÁC THAY ĐỔI

12.1. Trừ trường hợp điều chỉnh Phí Dịch Vụ theo quy định tại Khoản 2.3 của Hợp Đồng này, mọi thay đổi đối với bất kỳ điều khoản nào trong Hợp Đồng đều phải được Bên B thông báo bằng văn bản thông qua thư điện tử (email) đến Bên A, đính kèm phụ lục hợp đồng (nếu có), đồng thời công khai trên Sàn TMĐT và/hoặc Trung Tâm Nhà Bán Hàng ít nhất 15 (mười lăm) ngày trước ngày các thay đổi dự kiến có hiệu lực.

12.2. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày nhận được thông báo, nếu Bên A không đồng ý, cần làm rõ, hoặc đề xuất điều chỉnh, Bên A phải phản hồi qua thư điện tử hoặc qua các kênh liên lạc chính thức đã được Bên B thông báo trước đó.

12.3. Hết thời hạn nêu trên, nếu Bên A không có bất kỳ phản hồi nào và vẫn tiếp tục sử dụng Sàn TMĐT thì được xem là đã mặc nhiên chấp thuận các nội dung sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh hoặc thay thế Hợp Đồng này, theo thông báo của Bên B. Thời điểm có hiệu lực của các nội dung thay đổi là thời điểm được ghi rõ trong thông báo của Bên B; trong trường hợp không có thời điểm cụ thể được nêu, thì các thay đổi sẽ có hiệu lực sau 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Bên B gửi thông báo. Các văn bản, phụ lục đính kèm thông báo từ Bên B sẽ có hiệu lực kể từ thời điểm có hiệu lực và là phần không tách rời của Hợp Đồng theo thông báo Bên B đã gửi cho đến khi có thông báo mới, hoặc khi hết hạn Hợp Đồng mà Các Bên không phải ký lập thêm bất cứ hồ sơ chứng từ nào khác.

ĐIỀU 13. LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

13.1. Trong quá trình thực hiện Hợp Đồng, nếu có phát sinh tranh chấp thì hai Bên cùng bàn bạc, thương lượng giải quyết trên tinh thần hợp tác và cùng có lợi. Nếu Các Bên không tự giải quyết được bằng thương lượng thì sẽ đưa ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết. Phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng cho Các Bên.

13.2. Trong trường hợp một trong Các Bên vi phạm bất kỳ điều khoản nào trong Hợp Đồng, Bên vi phạm có trách nhiệm (i) bồi thường cho toàn bộ thiệt hại, rủi ro, tổn thất do hành vi vi phạm gây ra và (ii) chịu một mức phạt vi phạm Hợp Đồng tương đương với 8% giá trị phần nghĩa vụ Hợp Đồng bị vi phạm.

13.3. Hợp Đồng này sẽ được điều chỉnh và diễn giải theo luật pháp của nước CHXHCN Việt Nam.

ĐIỀU 14. QUY ĐỊNH CHUNG

14.1. Bất kỳ điều khoản nào hoặc việc áp dụng bất kỳ điều khoản nào của Hợp Đồng này bị vô hiệu hoặc không thể thi hành theo luật pháp hiện hành thì sẽ không ảnh hưởng đến giá trị hiệu lực, tính hợp pháp hoặc hiệu lực thi hành của các điều khoản còn lại của Hợp Đồng này. Các Bên sau đó sẽ sử dụng mọi nỗ lực hợp lý để thay thế điều khoản mất hiệu lực bằng một điều khoản khác có giá trị thỏa thuận tương tự với điều khoản không có hiệu lực hoặc không được thi hành đó miễn là thỏa thuận đó không trái với pháp luật.

14.2. Hợp Đồng này quy định toàn bộ các ghi nhớ, thỏa thuận giữa Các Bên và thay thế bất cứ các hứa hẹn, thỏa thuận, tuyên bố, cam kết hoặc các ám chỉ, dù bằng lời nói hoặc văn bản giữa Các Bên liên quan đến các giao dịch quy định tại Hợp Đồng này hoặc các nội dung khác của Hợp Đồng.

14.3. Bên A không được chuyển giao bất kỳ quyền và nghĩa vụ nào trong Hợp Đồng này cho bên thứ ba nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên B. Phù hợp với các quy định pháp luật, Bên B có quyền chuyển giao bất kỳ quyền và nghĩa vụ trong Hợp Đồng cho bên thứ ba và sẽ thông báo cho Bên A về việc chuyển giao đó bằng văn bản với thời hạn hợp lý.

- 14.4. Tất cả các điều kiện, điều khoản, quy chế, quy định, điều khoản sử dụng,... được sửa đổi, bổ sung, cập nhật, thay thế tùy từng thời điểm, do Bên B công bố tại Sàn TMĐT là phần không tách rời của Hợp Đồng này và có hiệu lực áp dụng với cả hai Bên.
- 14.5. Bằng việc ký kết Hợp Đồng này, Các Bên thừa nhận và đồng ý rằng việc một trong Các Bên sử dụng chữ ký, cho dù là chữ ký trên văn bản giấy hay chữ ký điện tử, bao gồm nhưng không giới hạn trong những hình thức bản sao, fax, hình ảnh quét, bản vẽ, hoặc hình ảnh điện tử của chữ ký, thể hiện sự đồng ý của một Bên được gắn vào Hợp Đồng và/hoặc các tài liệu liên quan thì Hợp Đồng sẽ có giá trị pháp lý như văn bản giấy, được xem là bản gốc và có thể được sử dụng làm chứng cứ trong bất kỳ sự kiện pháp lý hoặc thủ tục hành chính nào theo quy định của pháp luật và có hiệu lực pháp lý ràng buộc giữa Các Bên.
- 14.6. Hợp Đồng này lập thành (02) bản có hiệu lực pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ (01) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Ký, họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký, họ tên)

NGUYỄN HỮU MINH HOÀNG

Giám đốc

PHỤ LỤC 01

	Chính sách phí & Biểu phí Sàn Thương Mại Điện Tử
---	---

I. ĐỊNH NGHĨA

Định nghĩa		Diễn giải
Phí Sử Dụng Sàn TMĐT		Phí mà Khách Hàng phải trả khi mua hàng trên Sàn TMĐT
Phí Vận Chuyển Hàng Nặng		Phí dành cho các mặt hàng cồng kềnh với khối lượng kiện hàng trên 01 kg
Giá Bán Hàng Cuối Cùng		Giá cuối cùng mà Bên A bán cho Khách Hàng đã bao gồm nhưng không giới hạn thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng (VAT), v.v... Mức thuế suất của mỗi loại thuế sẽ theo chính sách tính thuế suất của Bên B và theo quy định pháp luật hiện hành.
Giá Doanh Thu	Giá Bán Hàng Theo Doanh Thu	Giá trị hàng hóa đăng trên Trung Tâm Nhà Bán Hàng. Đây là giá trị dùng để đối soát các loại phí mà Bên A phải trả cho Bên B sau khi đơn hàng hoàn tất (chưa bao gồm Phí Bán hàng và Phí Xử lý đơn hàng)
	Giá Bán Hàng Niêm Yết	Giá bán hàng cố định áp dụng cho tất cả các Khách Hàng trên Sàn TMĐT, không thay đổi và không chịu ảnh hưởng bởi Phí Sử Dụng Sàn TMĐT. Đây là giá trị dùng để đối soát các loại phí mà Bên A phải trả cho Bên B sau khi đơn hàng hoàn tất, đồng thời là giá trị để xuất hóa đơn cho Khách Hàng.

II. CHÍNH SÁCH PHÍ

Bên A hoạt động trên Sàn TMĐT Sàn TMĐT tuân theo chính sách phí chung của Bên B được ban hành và thông báo cho Bên A, trừ trường hợp hai Bên có thỏa thuận khác.

Bên B áp dụng các loại phí như sau đối với Bên A: (1) Phí bán hàng, (2) Phí vận hành, (3) Phí phạt và

(4) Phí hỗ trợ vận chuyển. Các chi phí này được Bên B trừ vào đối soát hàng tháng.

Các loại phí Bên B có thể áp dụng đối với Bên A (bắt buộc và không bắt buộc) trong quá trình thực hiện Hợp Đồng được liệt kê theo bảng như sau:

Các loại phí Bên B áp dụng đối với Bên A	Phí bán hàng	- Phí người bán - Phí xử lý đơn hàng
	Phí vận hành	- Phí hỗ trợ điều chỉnh thông tin sản phẩm - Phí lưu kho - Phí lưu kho quá hạn - Phí hoàn hàng kém chất lượng
	Phí phạt	- Phí phạt bàn giao hàng trễ/ hết hàng - Phí phạt xuất hóa đơn trễ
	Phí hỗ trợ vận chuyển	- Phí vận chuyển hàng hóa tới kho tổng Bên B - Phí vận chuyển hàng hóa chéo vùng - Phí hỗ trợ hoàn hàng lưu kho quá hạn

2.1. Phí bán hàng

2.1.1 Là các loại phí áp dụng trên Giá Doanh Thu mà Bên B áp dụng khi nhận thông tin đặt hàng từ

Khách Hàng, quản lý hoạt động của Bên A trên Sàn TMĐT của Bên B và xử lý các đơn hàng của Bên A, bao gồm Phí người bán trên Sàn TMĐT và Phí xử lý đơn hàng, cụ thể:

- **Phí người bán:** Phí mà Bên B dùng để vận hành, phát triển Sàn TMĐT và là phí mà Bên A phải chịu khi sử dụng dịch vụ Sàn TMĐT của Bên B.

- **Phí xử lý đơn hàng:** Phí để Bên B thực hiện các hoạt động xử lý đơn hàng của Bên A theo quy trình đối với từng cấp bậc (level) của từng loại sản phẩm được đăng bán trên Sàn TMĐT Sàn TMĐT, bao gồm nhưng không giới hạn trong việc nhập kho, kiểm kê hàng hóa, đóng hàng, vận chuyển hàng cho Bên A.

2.1.2 Để làm rõ, trong mọi trường hợp, phí bán hàng tại Điều 2.1.1 Phụ Lục này sẽ được áp dụng theo chính sách, chương trình mà Bên B cập nhật và thông báo đến Bên A theo từng thời điểm, trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản của Bên A và Bên B.

Theo đó, cấu trúc phí bán hàng mới sẽ được áp dụng dựa trên các yếu tố sau, trừ trường hợp Bên B có quy định khác theo từng thời điểm áp dụng:

a. Phân loại sản phẩm:

- Thuộc kê đơn
- Thuộc không kê đơn
- Dược mỹ phẩm
- Thiết bị và Vật tư y tế - Hàng tiêu dùng
- Thực phẩm chức năng
- Nhóm khác

b. Doanh số bán hàng của sản phẩm tính theo từng miền

(GMV):

Phân chia theo 8 nhóm tương ứng với từng mức GMV

c. Loại thương hiệu (Brand type):

- BRANDNAME
- GENERIC
- BRANDGENERIC
- PORTFOLIO
- Nhóm khác

2.2. Phí vận hành:

Là mức phí được áp dụng trên Giá Doanh Thu khi Bên A sử dụng dịch vụ vận hành của Bên B bao gồm: (1) Phí hỗ trợ điều chỉnh thông tin sản phẩm, (2) Phí lưu kho, (3) Phí lưu kho quá hạn, (4) Phí hoàn hàng kém chất lượng.

2.2.1 Phí hỗ trợ điều chỉnh thông tin sản phẩm:

Sau khi đăng tải sản phẩm trên Sàn TMĐT của Bên B, nếu Bên A có nhu cầu và trong khả năng của Bên B, tùy theo trường hợp cụ thể, Bên B sẽ hỗ trợ Bên A thực hiện 01 hoặc các thao tác với phần phí phát sinh tương ứng như sau:

Bên A điều chỉnh tăng giá sản phẩm đã kiểm duyệt nhưng không đáp ứng được điều kiện phải cung cấp đầy đủ giấy tờ chứng minh việc tăng giá sản phẩm này là xuất phát từ việc tăng giá của nhà cung cấp và/hoặc trường hợp Bên A điều chỉnh giá tăng hơn 10% so với Giá Bán Hàng Cuối Cùng thì Bên B sẽ thu phí điều chỉnh thông tin sản phẩm là: **100.000 VNĐ/01 lần chỉnh sửa;**

2.2.2 Phí lưu kho

Phí lưu kho là phí để Bên B thực hiện các hoạt động lưu hàng hóa tại kho của Bên B trong thời gian hàng hóa chưa được bán cho Khách Hàng, bao gồm nhưng không giới hạn trong các hoạt động kho bãi, bảo hiểm, lưu trữ, bảo quản, sắp xếp, nhân công. Theo đó, Bên A sẽ được **miễn phí** Phí lưu kho trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày hàng hóa được nhập kho.

2.2.3 Phí lưu kho quá hạn

Sau thời gian 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhập kho, Bên B sẽ áp dụng phí lưu kho quá hạn trên giá trị mỗi sản phẩm lưu kho quá hạn cho các trường hợp Bên A không lấy hàng trả về sau khi nhận được thông báo bằng email hoặc văn bản từ Bên B, cụ thể như sau:

- Trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày Bên B gửi thông báo bằng email hoặc văn bản hoặc thông báo trên hệ thống quản lý nhưng Bên A không qua lấy **hàng hoá đã hết hạn** sử dụng.
- Trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày Bên B gửi thông báo bằng email hoặc văn bản hoặc thông báo trên hệ thống quản lý nhưng Bên A không nhận lại **hàng hóa không tiêu thụ được sau ba mươi (30) ngày nhập kho của Bên B.**
- Trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày Bên B gửi thông báo bằng email hoặc văn bản hoặc thông báo trên hệ thống quản lý nhưng Bên A không nhận lại **hàng hóa bị lỗi.**
- **Phí lưu kho quá hạn cụ thể là:**

Thời gian lưu kho	Phí lưu kho quá hạn
Hàng hóa không tiêu thụ hết sau 30 ngày nhập kho	Miễn phí
Hàng hóa không tiêu thụ hết sau 45 ngày nhập kho nhưng có phát sinh đơn hàng trong 15 ngày gần nhất (từ ngày lưu kho thứ 31 đến ngày lưu kho thứ 45)	Miễn phí
Hàng hóa không tiêu thụ hết sau 45 ngày nhập kho và không phát sinh đơn hàng trong 15 ngày gần nhất (từ ngày thứ 31 đến ngày thứ 45)	Miễn phí lưu kho cho 10 hộp và tính phí lưu kho 3% trên giá trị 01 sản phẩm lưu kho quá hạn từ hộp thứ 11
Hàng hóa không phát sinh đơn hàng sau 45 ngày nhập kho (từ ngày 1 đến ngày 45)	Miễn phí lưu kho cho 10 hộp và tính phí lưu kho 5% trên giá trị 01 sản phẩm lưu kho quá hạn từ hộp thứ 11
Hàng hóa không tiêu thụ hết sau 60 ngày nhập kho và không phát sinh đơn hàng trong 15 ngày gần nhất (từ ngày 46 đến ngày 60)	Miễn phí lưu kho tối đa là 10 hộp cho số lượng bán ra trong khoảng thời gian lưu kho từ ngày 45 đến ngày 60 và tính phí lưu kho 5% trên giá trị 01 sản phẩm lưu kho quá hạn từ hộp thứ 11
Hàng hóa không tiêu thụ hết sau 90 ngày nhập kho	Chịu phí lưu kho 5% trên giá trị 01 sản phẩm lưu kho quá hạn và bắt buộc rút toàn bộ hàng

Trong trường hợp bắt buộc rút hàng, sau thời hạn nêu trên hoặc sau mười (10) ngày kể ngày Bên B gửi thông báo cho Bên A, nếu Bên A không thực hiện nghĩa vụ nhận lại hàng hoá thì Bên B có toàn quyền định đoạt, sử dụng và xử lý đối với toàn bộ hàng hoá lưu kho quá hạn của Bên A. Hàng hoá của Bên A trong trường hợp này được xem như là bị từ bỏ và Bên B có toàn quyền quyết định xử lý các hàng hoá này, đồng thời quyền sở hữu đối với hàng hoá bị từ bỏ sẽ được chuyển giao miễn phí cho Bên B, trừ khi cả hai Bên có thoả thuận khác.

(*) Địa điểm kho: theo thông báo của đơn vị vận chuyển cho Bên A vào từng thời điểm.

2.2.4 Phí hoàn hàng kém chất lượng

Áp dụng cho trường hợp sản phẩm bị trả về do chất lượng kém bị Khách Hàng khiếu nại. Cụ thể, sản phẩm kém chất lượng trong trường hợp này bao gồm nhưng không giới hạn đối với các lỗi

thuộc không đạt tiêu chuẩn về chỉ tiêu định lượng, không thể nhìn thấy thông qua ngoại quan của bao bì sản phẩm và/hoặc gây ra các tương tác, phản hồi xấu đối với Khách Hàng sau khi sử dụng. Trong trường hợp này, Bên B được miễn trừ toàn bộ trách nhiệm đối với Khách Hàng do lỗi phát sinh từ chất lượng hàng hóa của Bên A. Trong trường hợp này, Bên B sẽ hỗ trợ hoàn lại cho Bên A các sản phẩm được cho là kém chất lượng này với mức phí là: **50.000 VNĐ/đơn hàng**.

2.3. Phí phạt

Là các loại phí được áp dụng khi Bên A không tuân thủ theo các quy định, chính sách đã ban hành của Bên B hay khi khách hàng khiếu nại về chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng được xác minh do lỗi Bên A hoặc Bên A không đưa ra được thông tin chứng minh xác thực. Bao gồm:

- **Phí phạt bàn giao hàng trễ/hết hàng:** Là phí phát sinh khi Bên A bàn giao hàng hóa vượt quá thời gian cam kết trong Hợp Đồng hoặc các chính sách của Bên B;
- **Phí phạt xuất hóa đơn trễ:** Là phí phát sinh khi Bên A xuất hóa đơn trễ hoặc không xuất hóa đơn cho Bên B theo thời gian quy định.

Khoản phạt sẽ được trừ trực tiếp vào khoản chi phí mà Bên B phải thanh toán cho Bên A sau khi các Bên thực hiện đối soát và chốt doanh số, cụ thể khi xảy ra một hoặc các trường hợp theo quy định tại Khoản này, Bên A sẽ bị phạt với mức phạt tương ứng như sau:

Trường hợp	Phí phạt
Bên A không đáp ứng được hàng hóa theo yêu cầu từ đơn đặt hàng	Bên A sẽ bị phạt 5% trên tổng giá trị đơn hàng có các sản phẩm bị hết hàng của Bên A
Bên A xuất hóa đơn VAT cho Khách Hàng trễ hơn 07 ngày làm việc kể từ ngày đơn hàng “Hoàn tất”	50.000 VNĐ/hoá đơn

2.4. Phí hỗ trợ vận chuyển

Là các loại phí được áp dụng khi Bên B hỗ trợ Bên A trong việc (1) Vận chuyển hàng hóa tới kho của Bên B, (2) Vận chuyển hàng hóa chéo vùng (nếu có) và (3) Phí hỗ trợ hoàn hàng lưu kho quá hạn, bao gồm:

2.4.1 Phí hỗ trợ vận chuyển hàng hóa tới kho tổng của Bên B:

- Là các loại phí áp dụng trong trường hợp Bên A cần Bên B hỗ trợ vận chuyển hàng hóa đến kho chính của Bên B. Trong trường hợp này, Bên A đồng ý sẽ chịu thêm phí hỗ trợ vận chuyển này như sau:
- Trường hợp Bên B trực tiếp đến địa chỉ của Bên A để lấy hàng hóa và vận chuyển tới kho tổng của Bên B:

	Số Kiện	Đơn giá/kiện	Kích thước	Khối lượng	Ghi chú
Nội thành TP. Hồ Chí Minh	01	30.000	60cm x 60cm x 60cm	< = 20kg	Không nhận vận chuyển hàng hóa vượt kích thước quy định
	> 01	25.000			

- Trường hợp Bên A vận chuyển hàng tới kho trung chuyển của Bên B và Bên B hỗ trợ vận chuyển hàng hóa của Bên A từ kho trung chuyển của Bên B đến kho tổng của Bên B:

Đơn vị tính: VNĐ

Số kiện	Đơn giá/kiện
01	Đồng giá 12.000
> 01	

(Giá trên đã bao gồm VAT)

- Nội thành TP. Hồ Chí Minh bao gồm: Quận 1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10, 11, Gò Vấp, Tân Bình, Tân Phú, Bình Thạnh, Thành phố Thủ Đức.
- Nội thành TP Hà Nội bao gồm: Quận Ba Đình, Quận Hoàn Kiếm, Quận Đống Đa, Quận Thanh Xuân, Quận Cầu Giấy, Quận Hoàng Mai, Quận Hai Bà Trưng, Quận Tây Hồ.
- Nội thành TP. Đà Nẵng bao gồm: Quận Hải Châu, Quận Thanh Khê, Quận Liên Chiểu, Quận Ngũ Hành Sơn, Quận Sơn Trà, Quận Cẩm Lệ.

Các Bên thừa nhận rằng, đối với Phí hỗ trợ vận chuyển hàng hóa tới kho của Bên B, ngoài Hợp đồng và các Phụ lục đính kèm của Hợp đồng Sàn TMĐT đã được ký kết giữa Các Bên, trong trường hợp giữa Bên A có thỏa thuận giao kết Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng và các văn bản liên quan hoặc các quy định liên quan (“**Quy định vận chuyển riêng biệt**”) đến hoạt động cung ứng dịch vụ vận chuyển hàng hóa của Bên B và/hoặc thông qua đối tác của Bên B thì các nội dung liên quan (bao

gồm cả mức phí và việc thanh toán chi phí) liên quan đến các Quy định vận chuyển riêng biệt này sẽ được ưu tiên áp dụng.

2.4.2 Phí Hỗ trợ vận chuyển hàng hóa chéo vùng

Cước phí vận chuyển chéo vùng = Cước phí lấy/gửi hàng + cước vận chuyển chéo vùng

- Trường hợp Bên A yêu cầu Bên B đến lấy hàng đi chéo vùng, mức phí lấy hàng được tính như điểm a Điều 2.4.1.
- Trường hợp Bên A gửi hàng tại HUB/Kho Bên B, cước phí gửi hàng cùng vùng là miễn phí, Bên B chỉ tính cước vận chuyển chéo vùng.
- Cước vận chuyển chéo vùng được tính như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

Loại hàng	Tuyến	Đơn giá/kiện	Chuyến/tuần	Cam kết giao hàng
PGH internal transfer (Chuyển nội bộ)	Bình Dương – Bắc Ninh	45.000	Thứ 4 và thứ 6	48h
	Bắc Ninh – Bình Dương	45.000	Thứ 6 và chủ nhật	72h
	Bình Dương – Đà Nẵng	30.000	Thứ 3, thứ 5 và thứ 7	48h
	Đà Nẵng - Bình Dương	30.000	Thứ 5, thứ 7, thứ 2	48h
	Bắc Ninh – Đà Nẵng	30.000	Thứ 2, thứ 4 và thứ 6	48h
	Đà Nẵng - Bắc Ninh	30.000	Thứ 2, thứ 4 và thứ 6	48h

(Giá trên đã bao gồm VAT)

2.4.3 Phí hỗ trợ hoàn hàng lưu kho quá hạn:

Là Phí áp dụng trong trường hợp hàng hóa của Bên A lưu kho quá ba mươi (30) ngày không thể tiêu thụ được. Trong trường hợp này, Bên B sẽ hỗ trợ vận chuyển hoàn lại hàng hóa đã lưu kho quá hạn cho Bên A với mức phí là: 25.000 VNĐ/kiện.

III. CHÍNH SÁCH XỬ LÝ BỒI THƯỜNG:

3.1. Phân loại hư hỏng và mức độ bồi thường đối với hàng hóa hư hỏng/thất lạc

Hàng hóa được xác định là thất lạc/**hư hỏng** trong **quá trình lưu kho**, do lỗi hoàn toàn của Bên B có thể được Bên A yêu cầu Bên B bồi thường với giá trị bồi thường từ 5% đến tối đa 100% giá trị hàng hóa yêu cầu bồi thường. Trong đó, trừ trường hợp Các Bên có thỏa thuận khác, tỷ lệ bồi thường sẽ được Bên B thông báo bằng văn bản và/hoặc bằng email cho Bên A và được Bên B đăng tải trên Trung Tâm Nhà Bán Hàng tùy từng thời điểm. Việc xử lý bồi thường này sẽ được áp dụng cho tất cả các ngành hàng.

Trong trường hợp Các Bên không đạt được thỏa thuận về tỷ lệ bồi thường, tỷ lệ bồi thường sẽ được áp dụng theo đánh giá một cách hợp lý từ Bên B.

3.2. Giá trị bồi thường = Giá trị hàng hóa yêu cầu bồi thường * tỷ lệ bồi thường

Trong đó:

- Giá trị bồi thường: là giá trị tổn thất thực tế, trực tiếp mà Bên A phải chịu từ hành vi gây thất lạc/ hư hỏng hàng hóa của Bên A trong quá trình lưu kho.
- Giá trị hàng hóa yêu cầu bồi thường là giá trị của hàng hóa mà Bên A yêu cầu Bên B bồi thường, được Bên A đăng trên Trung Tâm Nhà Bán Hàng, và được xác định là Giá Bán Hàng Theo Doanh Thu.
- Tỷ lệ bồi thường là tỷ lệ phần trăm trên giá trị hàng hóa yêu cầu bồi thường và tỷ lệ này được xác định theo thông báo bằng văn bản và/hoặc bằng email của Bên B cho Bên A và được Bên B đăng tải trên Trung Tâm Nhà Bán Hàng tùy từng thời điểm.

• Quy trình bồi thường

Bước 1: Xác định thông tin và giá trị bồi thường.

Bước 2: Bên A xác nhận thông tin bồi thường. Tiến hành cung cấp đầy đủ thông tin, hồ sơ và chứng từ liên quan đến thủ tục bồi thường trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày có thông báo bồi thường. Quá thời hạn này, Bên B sẽ không chịu trách nhiệm xử lý khiếu nại và bồi thường.

Bước 3: Thanh toán bồi thường:

- (a) Đối với hàng hóa hư hỏng, thất lạc trong quá trình lưu kho, quy trình bồi thường sẽ được thực hiện vào tháng đầu tiên của mỗi quý;
- (b) Đối với hàng hóa hư hỏng, thất lạc do quá trình vận chuyển và triển khai đơn hàng sẽ được đối soát vào kỳ sao kê gần nhất.